

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2025/DS-PT

Ngày: 24 – 3 – 2025

V/v tranh chấp về dân sự -

Vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên Hiệp

Các Thẩm phán:

Ông Trần Phước Hội

Bà Kiều Kim Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hoàng Nhân, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Huỳnh Thị Đạm, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 607/2024/TLPT- DS ngày 26 tháng 11 năm 2024 về Tranh chấp “V/v Tranh chấp về dân sự – Vay tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 167/2024/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 708/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Ngọc Kiều T, sinh năm 1992 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: 1. Nguyễn Thị Thảo T1, sinh năm 1985 (Có đơn xin vắng mặt);

2. Nguyễn Kim P, sinh năm 1960 (Có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số nhà H, đường T, khóm C, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Kháng cáo: Bà Nguyễn Kim P là bị đơn của vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo Đơn khởi kiện vào ngày 23/5/2024 của chị Nguyễn Ngọc Kiều T; Trong quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, chị T trình bày:

Vào ngày 01/01/2023, bà Nguyễn Kim P cùng con gái là chị Nguyễn Thị

Thảo T1 có vay của chị số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Bà P và chị T1 cam kết trong thời gian một tháng sẽ hoàn trả cho chị T số tiền đã vay cùng lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Nhưng đã quá thời hạn thanh toán và chị T đã nhiều lần liên hệ đề yêu cầu bà P và chị T1 trả tiền vốn và lãi mà bà P và chị T1 không thực hiện và cũng không có phương án trả nợ.

Vào ngày 23/5/2023, bà Nguyễn Kim P cùng chị Nguyễn Thị Thảo T1 vay tiếp của chị T số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng). Bà P và chị T1 cam kết trong thời gian một tháng sẽ trả số tiền vay 1.500.000.000 đồng cùng lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Nhưng đã quá thời hạn trả nợ mà bà P và chị T1 cũng không thanh toán nợ cho chị T.

Nay chị T yêu cầu bà Nguyễn Kim P và chị Nguyễn Thị Thảo T1 trả cho chị số tiền vốn gốc là 2.500.000.000 đồng và lãi suất 2%/tháng tổng cộng là 577.127.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T thay đổi một phần yêu cầu về lãi suất. Chị T yêu cầu bà P và chị T1 trả cho chị lãi suất số tiền vay là 0,83%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 24/5/2024 đến ngày 26/8/2024, thành tiền 63.633.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 2.563.633 đồng (Hai tỷ năm trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng).

* Tại Văn bản ý kiến ngày 19/7/2024 và ngày 20/3/2025 của chị Nguyễn Thị Thảo T1; Trong quá trình giải quyết vụ án và quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên hòa giải, chị T1 trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thảo T1 là con ruột của bà Nguyễn Kim P.

Chị T1 không thống nhất một phần yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc Kiều T. Lý do:

Trước đây chị T1 và chị Nguyễn Ngọc Kiều T có làm ăn qua lại với nhau, chị T1 có hỏi vay nhiều khoản tiền và đã đóng lãi, trả gốc đầy đủ. Đến ngày 01/01/2023 và ngày 23/5/2023 do cần thêm vốn để làm ăn và giữa chị T1 và chị T cũng có sự thân thiết nên chị T1 hỏi mượn chị T số tiền 2.500.000.000 đồng để kinh doanh. Do chị T tin tưởng nên cho chị T1 mượn tiền và không yêu cầu tính lãi suất. Sau đó, chị T1 làm ăn thua lỗ nên chưa thanh toán lại số tiền nêu trên cho chị T. Chị T1 có hứa khi nào bán được đất thì sẽ hoàn trả lại tiền cho chị T. Nhưng hiện nay, chị T1 chưa bán được phần tài sản nào thuộc sở hữu của chị.

Chị T1 không đồng ý đối với yêu cầu tính lãi khoản tiền 2.500.000.000 đồng theo đơn khởi kiện của chị T.

Mẹ của chị T1 là bà P có ký tên trong biên nhận, mục đích để xác nhận cho việc chị T1 có mượn tiền của chị T. Bà P hoàn toàn không sử dụng số tiền chị T1 mượn từ chị T.

Nay chị T1 đồng ý trả cho chị Nguyễn Ngọc Kiều T số tiền vốn là 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng), không đồng ý trả số tiền lãi

suất là 577.127.000 đồng (Năm trăm bảy mươi bảy triệu một trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

* Tại Văn bản ý kiến vào ngày 19/7/2024 và ngày 20/3/2025 của bà Nguyễn Kim P; Trong quá trình giải quyết vụ án và quá trình thu thập chứng cứ, bà P trình bày:

Bà Nguyễn Kim P là mẹ ruột của chị Nguyễn Thị Thảo T1.

Bà P không thống nhất với yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc Kiều T. Lý do :

Chị T1 và chị T là chỗ bạn bè quen biết, có làm ăn với nhau từ nhiều năm trước và đã thanh toán vốn lãi đầy đủ. Ngày 01/01/2023 và ngày 23/5/2023 chị T1 có hỏi mượn của chị T số tiền để làm ăn, nhưng sau đó mất khả năng chi trả nên chị T yêu cầu bà P ký tên xác nhận có biết chuyện chị T1 mượn tiền của chị T. Bà P ký tên xác nhận trong giấy mượn nợ. Bà P hoàn toàn không sử dụng số tiền chị T1 đã mượn của chị T.

Nay bà P không đồng ý liên đới cùng con của bà là chị Nguyễn Thị Thảo T1 trả cho chị Nguyễn Ngọc Kiều T số tiền vốn 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng).

* Tại Quyết định bản án sơ thẩm số 167/2024/DS – ST, ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười đã tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc Kiều T.

- Buộc chị Nguyễn Thị Thảo T1 và bà Nguyễn Kim P có nghĩa vụ liên đới trả chị Nguyễn Ngọc Kiều T tiền vay vốn 2.500.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 26/8/2024 là 63.633.000 đồng. Tổng cộng 2.563.633.000 đồng (Hai tỷ năm trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; Nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

- Về án phí dân sự:

+ Chị Nguyễn Thị Thảo T1 và bà Nguyễn Kim P liên đới chịu 83.272.600 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng, bà Nguyễn Kim P được miễn nộp án phí số tiền 41.636.300 đồng (Bốn mươi một triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm đồng), vì thuộc trường hợp người cao tuổi được quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Thảo T1 phải chịu 41.636.300 đồng (Bốn mươi một triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả chị Nguyễn Ngọc Kiều T số tiền 46.772.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0010805 ngày 21/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

- Kháng cáo: Vào ngày 16/9/2024, bà Nguyễn Kim P là bị đơn của vụ án kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và có yêu cầu giữ nguyên kháng cáo của bà.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Kim P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đã được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Kim P trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Kim P:

- Bà Nguyễn Kim P kháng cáo bản án sơ thẩm. Bà P yêu cầu:

Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Ngọc Kiều T về việc buộc bà P có trách nhiệm liên đới cùng Nguyễn Thị Thảo T1 trả số tiền theo quyết định của bản án sơ thẩm là 2.563.633.000 đồng (Hai tỷ năm trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng).

- Chị Nguyễn Ngọc Kiều T không đồng ý với nội dung trình bày và yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Kim P. Chị T thống nhất với bản án sơ thẩm.

Qua chứng cứ thể hiện tại hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa cho thấy:

[2.1] Biên nhận ngày 01/01/2023 và biên nhận ngày 23/5/2023:

Chị Nguyễn Ngọc Kiều T, chị Nguyễn Thị Thảo T1 và bà Nguyễn Kim P đều thừa nhận:

+ Biên nhận ngày 01/01/2023 và biên nhận ngày 23/5/2023 đều do chị T1 viết và ký tên, viết họ tên. Chị T1 viết tên, họ của bà Nguyễn Kim P, là mẹ ruột của chị T1.

+ Chữ ký ở cuối biên nhận, phía bên phải đều do bà P trực tiếp ký.

+ Nội dung “2%/tháng” tại biên nhận ngày 01/01/2023 và ngày 23/5/2023 do chị T ghi thêm vào sau khi về nhà.

[2.2] Chị T1 và bà P đều trình bày:

Bà P chỉ ký xác nhận tại biên nhận mượn nợ ngày 01/01/2023 và ngày 23/5/2023. Bà P không sử dụng số tiền 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng).

Việc chị T1 mượn tiền của chị T không có liên quan đến bà P.

[2.3] Thực tế, chị Nguyễn Ngọc Kiều T có cho chị Nguyễn Thị Thảo T1 vay mượn 02 lần với số tiền tổng cộng là 2.500.000.000 đồng. Việc giao nhận tiền đã được thực hiện sau khi chị T1 viết biên nhận.

Tại Biên nhận ngày 01/01/2023 và biên nhận ngày 23/5/2023 đều có chữ ký của bà Nguyễn Kim P. Bà P thừa nhận chữ ký tại 02 biên nhận nêu trên là do bà ký. Bà P cũng biết rõ biên nhận ngày 01/01/2023 và ngày 23/5/2023 là biên nhận nợ, lẽ ra trước khi ký tên bà P phải thể hiện cụ thể, rõ ràng tư cách của bà tại 02 biên nhận này. Nhưng tại biên nhận ngày 01/01/2023 và ngày 23/5/2023 không thể hiện điều đó. Vì vậy, bà P phải chịu hậu quả pháp lý của việc ký tên vào biên nhận nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa cấp sơ thẩm, bà P cũng không có chứng cứ nào khác để chứng minh bà P chỉ là người xác nhận nợ cho chị T1 tại biên nhận ngày 01/01/2023 và ngày 23/5/2023 mà chị T1 vay mượn của chị T với số tiền tổng cộng là 2.500.000.000 đồng.

Từ những cơ sở nêu trên nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách của bà P ký tên tại biên nhận ngày 01/01/2023 số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và biên nhận ngày 23/5/2023 số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) là người nhận tiền là có căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P có đơn xin vắng mặt và có văn bản trình bày nội dung vụ việc, không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho kháng cáo của bà là có căn cứ.

[2.4] Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Kim P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do giữ Bản án sơ thẩm nên bà Nguyễn Kim P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà P là người cao tuổi nên được xem xét miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, Điều 147, Điều 148 và Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Kim P.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 167/2024/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.
3. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc Kiều T.

Buộc chị Nguyễn Thị Thảo T1 và bà Nguyễn Kim P có trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Ngọc Kiều T số tiền nợ tổng cộng vốn lãi là 2.563.633.000 đồng (Hai tỷ năm trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Kim P được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.
- Chị Nguyễn Thị Thảo T1 phải chịu 41.636.300 đồng (Bốn mươi một triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- + Chị Nguyễn Ngọc Kiều T được nhận lại số tiền 46.772.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0010805 ngày 21/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng TT,KT &THATAT
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND H.Tháp 10;
- Chi cục THADS H.Tháp 10;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Thị Liên Hiệp